

Bản án số: 60/2017/HC-ST
Ngày: 21-9-2017
V/v *Khiếu kiện Công văn trả
lời đơn công dân.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Cẩm Thu**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Danh Đức**

2. Ông **Thái Ngọc Minh**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Hoàng Minh Hiếu** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà **Châu Thùy Tam** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 43/2017/TLST-HC ngày 17 tháng 4 năm 2017 về “*Khiếu kiện Công văn của Ủy ban nhân dân huyện Phú Quốc về việc trả lời đơn công dân*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66/2017/QĐXXST-HC ngày 01 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

** Người khởi kiện:* Ông **Mai Xuân T**, sinh năm 1963, (có mặt).

Địa chỉ: Tổ 7, ấp A, xã B, huyện H, tỉnh K.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Ông **Nguyễn Văn C**, sinh năm 1979 (theo văn bản ủy quyền ngày 23 tháng 6 năm 2017), (có mặt).

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện H, tỉnh L.

Chỗ ở hiện nay: Tổ 9, khu phố 4, thị trấn F, huyện H, tỉnh K.

** Người bị kiện: Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh K (có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt).*

Địa chỉ: Số 04, đường 30 - 4, thị trấn F, huyện H, tỉnh K.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ kiện ông Mai Xuân T và người đại diện ông Nguyễn Văn C trình bày:*

Năm 1992 gia đình ông đến Bãi Dài, ấp A, xã B, huyện H, tỉnh K khai mở phần đất khoảng 30ha để cất nhà ở, trồng cây ngắn hạn, dài hạn như dừa, trà, đào, keo, khoai lang Ngoài ra còn xin phép chính quyền địa phương đắp đê ngăn mặn để cá nuôi nước ngọt và chăn nuôi heo trên toàn bộ diện tích đất khai phá.

Năm 2003 có đoàn kiểm tra liên ngành đến kiểm tra tháo dỡ của ông 01 nhà hàng, 01 nhà ở, 04 bè cá nước ngọt trong khu đất của ông nhưng không có lập biên bản hay xử phạt vi phạm hành chính gì.

Năm 2004 ông T về Thanh Hóa điều trị bệnh có gửi lại khu đất cho ông Kiều Thanh X trông coi. Năm 2007 ông trở lại huyện H, lúc này khu đất của ông bị một số hộ lấn chiếm và mượn đất, ông có làm đơn khiếu nại gửi đến chính quyền địa phương nhưng chưa được giải quyết. Cũng trong năm 2007 Tập đoàn STARBAY đến lập Dự án, quá trình đo đạc phần đất của ông nằm trong qui hoạch là 18.658m² nhưng sau đó Dự án này không triển khai nên UBND tỉnh K rút lại giấy phép đầu tư.

Năm 2010 Tập đoàn VEANPERL lập dự án trên khu đất của ông. Quá trình đo đạc xác minh của UBND huyện H xác định diện tích đất của ông T đang sử dụng là 56.700 m² trên đất có thành quả lao động như trà, đào ... Do ông T chưa thông nhất diện tích đo đạc và thống kê cây trồng trên đất nên ông yêu cầu đo đạc lại.

Ngày 25/12/2014 đoàn đo đạc của UBND huyện H phối hợp với UBND xã Gành Dầu, Tập đoàn VEANPERL đo đạc lại thì diện tích đất của ông là 150.000m² biên bản này được lưu tại Thanh tra huyện không có giao cho ông. Sau đó UBND xã B mời ông lên làm việc, động viên ông giao đất cho Tập đoàn VEANPERL làm cho kịp tiến độ, huyện sẽ lập phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho ông sau nhưng sau đó UBND huyện H không giải quyết. Ngày 18/11/2015, 04/01/2016, 13/9/2016, 10/10/2016 ông T liên tục gửi đơn khiếu nại đến Chủ tịch UBND huyện H.

Ngày 11/11/2016 ông T nhận được Công văn số 544/UBND-NCPC ngày 07/11/2016 của Chủ tịch UBND huyện H về việc trả lời đơn công dân với nội dung đoàn xác minh kết hợp với UBND xã B tiến hành kiểm tra phần đất có diện tích 18.685m² toàn bộ là cây rừng, chồi tự nhiên không có thành quả lao động, không có quá trình sử dụng đất nên việc ông T yêu cầu lập phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư là không đủ điều kiện. Ông T nhận thấy Chủ tịch UBND huyện H xác định như vậy là không đúng, vì phần đất có diện tích 150.000m² gia đình ông khai phá từ năm 1993, canh tác sử dụng đất liên tục từ lúc khai phá cho đến nay, có thành quả lao động trên đất, có công trình kiến trúc trên đất.

Ông T khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Công văn số: 544/UBND-NCPC ngày 07/11/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh K về việc trả lời đơn công dân. Đồng thời, buộc Ủy ban nhân dân huyện H phải lập phương án bồi thường đối với phần đất có diện tích 150.000m² và hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp cho ông T.

* Trong quá trình giải quyết vụ kiện Ủy ban nhân dân huyện H, Chủ tịch UBND huyện H đã nhận Thông báo thụ lý vụ án, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và các văn bản tố tụng khác nhưng không có văn bản ý kiến đối với yêu cầu của người khởi kiện, không cung cấp hồ sơ, tài liệu có liên quan đến vụ kiện và có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của người bị kiện.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Ông T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc hủy Công văn số 544, yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện H lập phương án bồi thường phần đất có diện tích 150.000 m². Ông T cũng xác định Ủy ban nhân dân huyện H không ra quyết định thu hồi đất đối với ông. Tại thời điểm hiện nay ông không có căn cứ gì chứng minh ông có diện tích đất 150.000 m², cũng không chứng minh được thành quả lao động trên đất được liệt kê ở tài liệu nào tại thời điểm Ủy ban nhân dân huyện H lập phương án đền bù.

Người đại diện của ông C cho rằng năm 2014 Thanh tra Nhà nước huyện đã kết hợp với nhà đầu tư đo đạc xác định diện tích đất của ông T nhưng không có đưa biên bản cho ông T, đồng thời động viên ông T giao đất cho kiếp tiến độ, sẽ lập phương án đền bù sau nhưng đến nay không đền bù.

Luật sư đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của ông T hủy Công văn 544 do không ban hành bằng quyết định là vi phạm pháp luật khiếu nại. Về nội dung ít nhất tại thời điểm hiện nay ông T đã chứng minh được ông T có diện tích 56.700

m² theo biên bản xác minh ngày 12/11/2010. Các tài liệu ông T cung cấp có cơ sở chứng minh ông T có quá trình sử dụng đất, có thành quả lao động trên đất.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu hủy Công văn số 544 của ông T, đối với yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện H lập phương án bồi thường là chưa đủ căn cứ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thủ tục tố tụng: Công văn 544/UBND-NCPC ngày 07/11/2016 của Ủy ban nhân dân huyện H là văn bản giải quyết khiếu nại trong lĩnh vực quản lý đất đai, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang theo qui định tại Điều 30, 32 Luật tố tụng hành chính.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, nên Hội đồng xét xử vắng mặt người bị kiện theo qui định tại Điều 158 Luật tố tụng hành chính.

[2] Về nội dung vụ kiện:

Ngày 13/01/2014 ông Mai Xuân T gửi đơn khiếu nại yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện H yêu cầu đo đạc, thẩm tra lại đất và được Ủy ban nhân dân huyện H thụ lý.

Ngày 25/11/2015 Ủy ban nhân dân huyện H tiến hành đo đạc xác định vị trí hiện trạng thửa đất của ông Mai Xuân T xác định diện tích đất ông T yêu cầu là 18.685 m², được nêu trong phương án đền bù, hỗ trợ và tái định cư do ông Kiều Thanh X và ông Lê Văn M đứng tên.

Tại biên bản làm việc ngày 04/12/2015 ông Mai Xuân T xác định lại yêu cầu khiếu nại của ông T là xin được xem xét lập phương án bồi thường dự án khu du lịch sinh thái Bãi Dài tại xã B, huyện H, tỉnh K, ngoài ra không yêu cầu gì khác. Diện tích đất ông T bao chiếm là khoảng 30 ha.

Đây là đơn khiếu nại của công dân thực hiện theo qui định tại Điều 7 Luật khiếu nại.

Trường hợp này, người giải quyết khiếu nại lần đầu, Ủy ban nhân dân huyện H phải căn cứ các Điều 18, 27, 28, 29, 30 và Điều 31 của Luật khiếu nại để thụ lý giải quyết đơn của ông T.

Nhưng Ủy ban nhân dân huyện H lại ban hành Công văn số 544 ngày 12/01/2017 để giải quyết khiếu nại của ông T là không đúng thẩm quyền, vì Ủy ban nhân dân huyện không có thẩm quyền giải quyết khiếu nại, mà thẩm quyền là của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H theo qui định tại Điều 18 Luật khiếu nại.

Về hình thức văn bản đã vi phạm khoản 3, Điều 6 Luật khiếu nại qui định các hành vi bị nghiêm cấm: “Ra quyết định khiếu nại không bằng hình thức quyết định”. Vì vậy cần phải hủy bỏ Công văn 544 của Ủy ban nhân dân huyện H do ban hành trái thẩm quyền, vi phạm điều cấm của pháp luật.

Đối với nội dung Công văn 544: Theo ông T trình bày ông nộp đơn tại Ủy ban nhân dân huyện H yêu cầu đo đạc lại diện tích đất ông cho rằng Nhà nước đã thu hồi (không có quyết định thu hồi đất) để làm Dự án khu du lịch sinh thái Bãi Dài, tại xã B, huyện H.

Ông T không cung cấp được đơn khiếu nại nhưng ông xác định diện tích đất của ông nêu trong đơn là 150.000 m² và toàn bộ diện tích đất này tại thời điểm lập phương án ông không được thống kê là người sử dụng đất mà đứng tên những người khác do đất của ông đã bị những người này chiếm sử dụng.

Đối với 18.685 m² đất được đo đạc cũng do ông Lê Văn M và ông Kiều Thanh X đứng tên trên phương án. Tại biên bản đo đạc năm 2015 có ông T ký tên xác nhận cũng thể hiện trên đất không có thành quả lao động.

Trong trường hợp ông T có khai phá đất, nhưng tại thời điểm lập phương án ông T không có thành quả lao động trên đất cũng không đủ điều kiện để bồi thường.

Căn cứ vào các chứng cứ do ông T xuất trình thì ông T đã có thời gian sử dụng đất (tuy không liên tục) có nhiều người xác nhận, kể cả chính quyền địa phương tại thời điểm năm 2003.

Vì vậy khi giải quyết khiếu nại lại Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H cần phải xem xét toàn bộ yêu cầu của ông T, xác minh các chứng cứ ông T đã cung cấp để bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho ông T.

[3] Đối với yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện H lập phương án bồi thường, hỗ trợ đối với diện tích 150.000 m² đất sẽ được Ủy ban nhân dân huyện H xem xét khi giải quyết lại đơn khiếu nại của ông T.

Từ những nhận định trên: Sau khi thảo luận Hội đồng xét xử nghị nên chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát; Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông T và một phần đề nghị của luật sư.

Hủy Công văn số 544 của Ủy ban nhân dân huyện H. Kiến nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H ban hành quyết định mới giải quyết khiếu nại của ông T theo đúng qui định của pháp luật.

[4] Án phí hành chính sơ thẩm: Ủy ban nhân dân huyện H phải nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng).

Hoàn trả cho ông Mai Xuân T số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh K, theo biên lai thu tiền số 0004298 ngày 11/4/2017.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 158, 193 và Điều 194 Luật tố tụng hành chính.

Áp dụng các Điều 6, 7, 18, 27, 28, 29, 30 và Điều 31 Luật Khiếu nại.

Áp dụng Điều 32 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/10/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Mai Xuân T.

Hủy Công văn số 544/UBND-NCPC ngày 07/11/2016 của Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh K về việc trả lời đơn công dân.

Kiến nghị Ủy ban nhân dân huyện H ban hành quyết định mới giải quyết khiếu nại của ông T theo đúng qui định của pháp luật.

Án phí hành chính sơ thẩm: Ủy ban nhân dân huyện H phải chịu 300.000 đồng.

Hoàn trả cho ông Mai Xuân T số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh K, theo biên lai thu tiền số 0004298 ngày 11/4/2017.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Cẩm Thu